TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/KDTM-ST
Ngày: 27-4-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Vương Thị Minh Tân

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lã Ngọc Tiền – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC (PVBank)

Địa chỉ trụ sở: Số 22 N, phường Tr, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Thuần – Chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (Giấy ủy quyền số 10998/UQ-PVB ngày 02-11-2017 của người đại diện theo pháp luật cho các cấp thuộc PVBank)

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông Nguyễn Hoàng A – Chức vụ: Chuyên viên tố tụng– Phòng quản lý khách hàng doanh nghiệp khu vực miền Bắc- Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản PVBank

2. Ông Nguyễn Văn D - Chức vụ: Chuyên viên tố tụng– Phòng quản lý khách hàng doanh nghiệp khu vực miền Bắc- Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản PVBank

- Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT

Địa chỉ trụ sở: Lô N8, đường N5, khu công nghiệp Hòa Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Đức Q, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số nhà 9/56 đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số nhà 9/56 đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

3. Anh Trần Văn M, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định.

4. Chị Phạm Thị A, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định

5. Công ty cổ phần Dệt – NĐ

Địa chỉ trụ sở: Số 51 đường Trần Phú, phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V, Chức vụ: Giám đốc

Tại phiên tòa: Có mặt ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Hoàng A. Vắng mặt ông Phạm Đức Q, anh Trần Văn M và chị Phạm Thị A. Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Xuân Vũ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-4-2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC (gọi tắt là PVBank) trình bày:

Ngày 01-10-2014 Ngân hàng Đại Chúng Việt Nam và Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT (gọi tắt là Công ty PT) ký hợp đồng tín dụng số 002/2014/HĐTD-TH và Khế ước nhận nợ số 01/002/2014/HĐTD-TH ngày 20-10-2014, với hạn mức cấp tín dụng là 4.790.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20-10-2014), mục đích sử dụng tiền vay là để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo hợp đồng mua bán số 03/07/2014/HĐMB-GĐ-PT ngày 03-7-2014 và 04/08/2014/HĐMB-GĐ-PT ngày 04-8-2014 giữa Công ty PT với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thương mại dịch vụ GĐ (gọi tắt là Công ty GĐ), phương thức giải ngân: Chuyển khoản cho Công ty GĐ. Lãi suất cho vay: 8% 1 năm đến hết ngày 19-4-2015. Kể

từ ngày 20-4-2015 lãi suất được điều chỉnh 03 tháng 1 lần theo quy định tại Hợp đồng tín dụng và quy định của PVBank. Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ngày 20-10-2014 PVBank đã thực hiện giải ngân toàn bộ số tiền 4.790.000.000 đồng (Bốn tỉ bảy trăm chín mươi triệu đồng) bằng ủy nhiệm chi ngày 20-10-2010 cho Công ty GĐ. Ngày 21-10-2014 PVBank và Công ty PT ký kết phụ lục sửa đổi hợp đồng cho vay số 02PL/002/HĐTD-TH về việc thống nhất lịch trình trả nợ, theo đó Công ty PT phải trả nợ gốc thành 20 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 03 tháng (vào ngày 25) mỗi kỳ trả 239.500.000 đồng, riêng kỳ thứ 19 thanh toán số tiền 479.000.000 đồng.

Ngày 23-5-2018 PVBank và Công ty PT ký hợp đồng hạn mức tín dụng số 218/2018/HĐHM/PVB-NĐ với hạn mức là 10.000.000.000 đồng. Ngày 24-5-2018 PVBank và Công ty PT ký hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 01/2018/HĐHM/PVB-NĐ. Ngày 24-5-2018 PVBank đã giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỉ đồng) cho Công ty PT; Thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày 24-5-2018 đến ngày 24-11-2018, mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản suất kinh doanh của Công ty PT; lãi suất: áp dụng lãi suất 9,5% kể từ ngày 24-5-2018 đến hết ngày 31-8-2018. Từ ngày 01-9-2018 lãi suất áp dụng là LSCS + 3.0% (Trong đó LSCS là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ cao nhất của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 12 tháng theo biểu lãi suất huy động của Bên cho vay công bố từng thời kỳ). Điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ và lãi suất quá hạn: Theo quy định của hợp đồng hạn mức tín dụng, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản suất kinh doanh của Công ty PT, hình thức rút vốn: Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Bảo Minh. Phương thức trả nợ gốc: Cuối kỳ ngày 24-11-2018 hoặc trước khi có nguồn thu về tài khoản của Công ty PT. Kỳ trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng.

Ngày 30-8-2018 PVBank và Công ty PT ký hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số LD 1824204943. Ngày 30-8-2018 PVBank đã thực hiện giải ngân đủ số tiền 3.798.872.770 đồng (Ba tỉ bảy trăm chín mươi tám triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) cho Công ty Phương; thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 30-8-2018 đến ngày 28-02-2019, mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản suất kinh doanh của Công ty PT, lãi suất: áp dụng lãi suất 9,5% kể từ ngày 30-8-2018 đến hết ngày 30-11-2018. Từ ngày 01-12-2018 lãi suất áp dụng là LSCS + 3.0% (Trong đó LSCS là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ cao nhất của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 12 tháng theo biểu lãi suất huy động của Bên cho vay công bố từng thời kỳ). Điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ và lãi suất quá hạn: Theo quy định của hợp đồng hạn mức tín dụng. Hình thức rút vốn: Chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Công ty CP sản xuất và thương mai

Bảo Thy. Phương thức trả nợ gốc: Cuối kỳ ngày 28-01-2019 hoặc trước khi có nguồn thu về tài khoản của Công ty PT. Kỳ trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nói trên của Công ty PT, giữa PVBank và các bên đã ký kết các hợp đồng và thế chấp các tài sản sau:

Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 01-10-2014. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 372/2015/HĐBĐ-MMTB2-PVB-CNNĐ ngày 10-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số PL 01-372/2015/HĐBĐ-MMTB2-PVB-CNNĐ ngày 07-3-2017 và Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số PL 02-372/2015/HĐBĐ-MMTB2-PVB-CNNĐ ngày 23-5-2018. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số PL 01-002/2014/HĐTC-TH ngày 10-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số PL 02-002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 19-5-2016. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số PL 03-002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 07-3-2017. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số PL 04-002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 23-5-2018. Theo đó Công ty PT đã thế chấp: 10 máy dệt, Model GS50/500/1200/PP/T seri 2013 VN; 05 nồi nhuộm, Model FY 066-180, FY 074-180, FY 082-180, FY 056-180, FY 076-180 seri 2013 VN; 01 máy cuộn dây Model Y088 seri 2013 VN; 05 máng giặt, Model E058; E78; E134; E156; E169 seri 2013 VN; 01 nồi nhuộm Model: DP-NSP Seri: TC431VN; 01 nồi hơi Model: FR 158-180 Seri: 2015 VN; 01 Máy cuốn cây Model: PR 172 Seri: 2015 VN; 01 Máng giặt Model: BT-PPT Seri: 324P VN

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 373/2015/HĐBĐ-BĐS2/PVB-CNNĐ ngày 10-12-2015. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 374/2015/HĐBĐ-BĐS2QTS-PVB-CNNĐ ngày 09-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền đối với tài sản gắn liền với đất số PL01-374/2015/HĐBĐ-BĐS2QTS-PVB-TH ngày 07-3-2017. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền đối với tài sản gắn liền với đất số PL02-374/2015/HĐBĐ-BĐS2QTS-PVB-CNNĐ ngày 23-5-2018. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL02-373/2015/HĐBĐ-BĐS2/PVB-CNNĐ ngày 23-5-2018. Theo đó ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị P đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất: Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: Số nhà 7/56, tổ dân phố số 58 đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 610159, số vào sổ cấp GCN: 13-67801158 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-8-2014; Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: số 9/56, tổ 58, đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số BV 610158, số vào sổ cấp GCN: 13-67800965 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29/8/2014; Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: số 11/56, tổ 58, đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 610060, số vào sổ cấp GCN: 13-67800644 do UBND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-8-2014.

Hợp đồng thế chấp số 002BĐS/2014/TĐTC-TH ngày 01-10-2014 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 381/QTĐ/2015/HĐBĐ-PVB CNNĐ ngày 10-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp số PL01-002BĐS/2014/HĐTC-TH ngày 10-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số PL02-002BĐS/2014/HĐTC-TH ngày 07-3-2017. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp số PL03-002BĐS/2014/HĐTC-TH ngày 23-5-2018. anh Trần Văn M và chị Phạm Thị A đã thế chấp quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Khu du lịch Quất Lâm, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 766468, số vào sổ cấp GCN: CH-01613/1816/QĐ-UBND do UBND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp ngày 11-6-2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng PVBank đã thực hiện giải ngân đủ số tiền là 12.588.872.770 đồng. Tuy nhiên Công ty PT không thực hiện thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

Tại phiên tòa PVBank yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải thanh toán cho PVBank các khoản nợ của các hợp đồng tín dụng, cụ thể tính đến hết ngày 27-4-2022: nợ gốc 8.700.480.944 đồng, nợ lãi trong hạn 238.035.386 đồng, nợ lãi quá hạn 4.642.474.013 đồng, lãi phạt 55.868.508 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là: 13.636.858.851 đồng (Mười ba tỉ sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi tám nghìn tám trăm năm mươi mốt đồng).

- Trong trường hợp Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì PVBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản đã thế chấp, bao gồm tất cả các quyền lợi, lợi ích, các khoản bồi thường, đền bù, hoa lợi, lợi tức và các khoản thanh toán khác phát sinh từ tài sản đảm bảo (bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm, lợi ích từ các yêu cầu đòi bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm) đều thuộc tài sản đảm bảo được dùng để thu nợ.

- Đối với tài sản đảm bảo là 10 (mười) máy dệt, Model GS50/500/1200/PP/T, seri 2013 VN. PVBank rút yêu cầu, và không đề nghị phát mại tài sản thế chấp là 10 máy dệt mà Công ty PT đã thế chấp.

- Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng là 34.500.000 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) PVBank đã nộp. Nay yêu cầu Công ty PT phải nộp và trả lại cho PVBank.

2. Tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT trình bày:

Công ty PT có ký hợp đồng tín dụng vay tiền của PVBank với tổng số tiền là 10.573.470.607 đồng. Việc giao kết hợp đồng, nội dung hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng và thế chấp các tài sản để vay tiền như phía PVBank trình bày. Toàn bộ nhà xưởng của Công ty PT tại địa chỉ: Lô N8, đường N5, khu công nghiệp Hòa Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã bán cho Công ty cổ phần Dệt – NĐ do ông Nguyễn Xuân Vũ làm giám đốc. Đối với số máy móc đã thế chấp bà xác nhận vẫn đang để nhờ tại địa chỉ trên. Riêng 10 máy dệt đã thế chấp cho PVBank đã không còn. Nguyên nhân là do thời điểm Công Ty PT bị cháy nên 10 máy dệt đã bị hỏng, không thể sử dụng được nữa nên Công ty PT đã bán cho người thu mua sắt vụn vào cuối tháng 12-2018 với giá khoảng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Khi bán cung không báo cho PVBank biết, và Công ty PT đã dùng số tiền bán sắt vụn này để trả tiền lương cho công nhân.

Hiện tại số tiền nợ gốc mà Công ty PT chưa thanh toán cho PVBank là 8.700.480.944 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt. Công ty PT có trách nhiệm trả nợ dần cho PVBank.

3. Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị A trình bày: Chị là vợ của anh Trần Văn M. Bà Nguyễn Thị P là chỗ quen biết với gia đình nhà chồng chị nên ngày 01-10-2014 vợ chồng chị có ký hợp đồng thế chấp quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Khu du lịch Quất Lâm, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (Nhà nghỉ Biển Đông) để cho Công ty PT do bà Nguyễn Thị P làm giám đốc vay tiền PVBank. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Công ty PT và PVBank như thế nào thì chị không được biết. Kể từ thời điểm thế chấp đến nay thì vợ chồng chị vẫn quản lý khối tài sản trên, không xây dựng, sửa chữa, thay gì. Đối với chồng chị là anh Trần Văn M hiện nay đang ở Cộng Hòa Séc, anh Mạnh đi theo con đường du lịch, khi đi anh Mạnh và gia đình không khai báo với chính quyền địa phương biết, và chị cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để xác định anh Mạnh hiện đang ở nước Cộng Hòa Séc.

4. Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Dệt – NĐ trình bày:

Ngày 19-3-2020 Công ty cổ phần Dệt – NĐ đã ký hợp đồng mua bán tài sản trên đất số 01 với Công ty cổ phần TM xuất nhập khẩu PT; địa chỉ trụ sở: Lô N8, đường N5, Khu công nghiệp Hòa Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định do

bà Nguyễn Thị P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, Các tài sản trên đất gồm: Nhà điều hành có diện tích 262m2, 03 nhà xưởng (xưởng 1 diện tích 655m2, xưởng 2 diện tích 174m2, xưởng 3 diện tích 202,1m2, nhà ở (phòng kỹ thuật), 02 nhà nghỉ công nhân (nhà 1 diện tích 56,4m2 ; nhà 2 diện tích 47,3m2), và một số máy móc phục vụ cho việc sản xuất; trong đó không bao gồm các máy móc, thiết bị mà Công ty cổ phần TM xuất nhập khẩu PT đã thế chấp cho PVBank. Hiện Công ty PT đang để nhờ các tài sản gồm: 06 nồi nhuộm**;** 01 máy cuộn dây**;** 05 máng giặt; 01 nồi hơi**;** 01 Máy cuốn cây; 01 Máng giặt tại địa chỉ Lô N8, đường N5, Khu công nghiệp Hòa Xá, xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Tất cả các máy móc trên hiện đang ở trong tình trạng han rỉ, không hoạt động được. Riêng 10 máy dệt thì không có ngay từ khi Công ty nhận bàn giao nhà xưởng.

Công ty cổ phần Dệt – NĐ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền và PVBank nhanh chóng giải quyết vụ án để giải phóng các máy móc, thiết bị của Công ty cổ phần TM xuất nhập khẩu PT đang gửi nhờ để có mặt bằng sản xuất, kinh doanh, và Công ty không liên quan gì đến vụ án nên đề nghị Tòa án không báo gọi, triệu tập và từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

5. Về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ các tài sản đảm bảo, cụ thể:

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 31-3-2021 tại số nhà 7,9,11/56 đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xác định: Các thửa đất số 114, 115 và 182, tờ bản đồ số 2 nằm sát cạnh nhau, thuộc số nhà 7, 9, 11/56 đường T, phường Ti. Trên đất xây dựng 3 căn nhà. Chính quyền địa phương xác nhận kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất trên thì ông Quảng, bà Phương sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 02-4-2021 tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17 Khu du lịch Quất Lâm, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xác định thửa đất có diện tích 1.500m^2, các tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà 03 tầng, tổng diện tích 03 tầng là 1.193m^2, ngoài ra trên đất còn có 01 căn nhà 01 tầng diện tích 90m^2, 01 lán mái nối giữa nhà 03 tầng và nhà ăn, mái lợp tôn, 01 lán để xe diện tích 59,52m^2, 01 căn nhà kho diện tích 18m^2; trên đất còn có 01 cây si, 02 cây xanh, 01 cây sung, 01 cây lộc vừng.

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ các ngày 01-4-2021 tại lô N8, đường N5, Khu công nghiệp Hòa Xá, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định xác định Công ty PT đã ngừng hoạt động, trụ sở Công ty đã do Công ty cổ phần Dệt – NĐ tiếp quản; Các máy móc trong nhà xưởng gồm có: 06 nồi nhuộm, 06 máng giặt, 01 máy cuộn cây, 01 máy cuốn dây, 01 nồi hơi. Tất cả các máy móc đều đã han gỉ, không xác định tình trạng hoạt động; Trong nhà xưởng không tìm thấy 10 máy dệt.

6. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ sau:

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 26-8-2021 tại Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an tỉnh Nam Định cung cấp: Hồi 23 giờ 10 phút ngày 04-12-2018 đơn vị nhận được tin báo cháy tại Công ty PT. Đơn vị đã huy động xe và cán bộ tổ chức chữa cháy. Tuy nhiên nguyên nhân và thiệt hại cụ thể thì đơn vị không nắm được.

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 09-9-2021 tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định cung cấp: Ngày 08-12-2018 Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT xảy ra cháy. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành đến hiện trường để thu thập tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên không xác định có sự việc phạm tội nên đã ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Công văn số 135/QLXNC-P5 ngày 31-12-2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An xác định anh Trần Văn M, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định không có thông tin về xuất nhập cảnh.

Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 12-3-2021 tại Công an thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cung cấp: Anh Trần Văn M có vợ là chị Phạm Thị A có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định . Anh Mạnh đi lao động tại Cộng hòa Séc từ nhiều năm nay. Việc anh Mạnh đi và về không đăng ký và không báo với chính quyền địa phương.

Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 11-12-2020 tại tổ dân phố số 23, phường Trần Quang Khải, thành phố Nam Định cung cấp: Vợ chồng ông Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị P có hộ khẩu thường trú tại số nhà 9/56 đường Trần Quang Khải. Tuy nhiên gần đây ông Quảng, bà Phương thường xuyên không có ở nhà.

Biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 13-01-2021 tại Công an phường Trần Quang Khải cung cấp: Vợ chồng ông Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị P có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại số nhà 9/56 đường T, phường Ti, thành phố Nam Định.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ quy định tại Điều 97, 98, 101 Bộ luật Tố tụng dân sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành

pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của PVBank:

+ Buộc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC các khoản nợ tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27-4-2022), gồm: Tổng số nợ gốc phải trả là 8.700.480.944 đồng, nợ lãi trong hạn 238.035.386 đồng, nợ lãi quá hạn 4.642.474.013 đồng, lãi phạt 55.868.508 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là: 13.636.858.851 đồng (Mười ba tỉ sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi tám nghìn tám trăm năm mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng tín dụng đối với từng lần giải ngân giữa Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT và Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC.

+ Về xử lý tài sản đảm bảo: Trong trường hợp Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC theo quyết định của bản án thì Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo,

+ Chấp nhận đề nghị của PVBank rút yêu cầu giải quyết xử lý tài sản đảm bảo là 10 (mười) máy dệt, Model GS50/500/1200/PP/T, seri 2013 VN.

- Về án phí: Buộc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật: Giữa PVBank và Công ty PT có ký hợp đồng tín dụng để Công ty PT thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị cho Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ GĐ và bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần giấy Vạn Điểm. Do Công ty PT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. PVBank đã khởi kiện để yêu cầu thanh toán. Vì vậy, căn cứ khoản 1

Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.2 Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là Công ty PT có trụ sở tại thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn M Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của anh Mạnh tại địa phương, xác định anh Mạnh có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố L, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định, và tại Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an thì không có thông tin về việc xuất nhập cảnh của anh Trần Văn M. Chị Phạm Thị A là vợ anh Mạnh không cung cấp được tài liệu chứng chứng về thông tin của anh Mạnh ở nước ngoài. Do vậy căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự có mặt của người tham gia tố tụng:

Bà Nguyễn Thị P là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ông Nguyễn Xuân Vũ là đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Phương và ông Vũ theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Phạm Đức Q, anh Trần Văn M, chị Phạm Thị A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Quảng, anh Mạnh và chị Ánh theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa PVBank và Công ty PT:

2.1 Về hình thức của hợp đồng tín dụng: Xét thấy hợp đồng tín dụng đã được lập thành văn bản có chữ ký của các bên, vì vậy hình thức đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

2.2 Về nội dung:

2.2.1 Đối với Hợp đồng tín dụng số 002/2014/HĐTD-TH ngày 01-10-2014 và Khế ước nhận nợ số 01/002/2014/HĐTD-TH ngày 20-10-2014 giữa PVBank và Công ty PT thể hiện: Ngày 20-10-2014 PVBank đã thực hiện giải ngân số tiền 4.790.000.000 đồng cho Công ty PT. Mục đích sử dụng vốn: là thanh toán tiền mua máy móc thiết bị; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên ngày 20-10-2014; Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất ưu đãi 8%/năm đến hết ngày 19-4-2015. Kể từ ngày 20-4-2015 lãi suất được điều chỉnh ba (03) tháng một (01) lần theo quy định tại hợp đồng hạn mức tín dụng và quy định của Bên cho vay; Trả

gốc: Thanh toán số dư nợ gốc của các khoản vay 03 tháng/lần, chia đều trong 20 kỳ trả nợ, theo lịch trả nợ được bên cho vay gửi tới bên vay hoặc sau ngày hết hạn rút vốn, vào ngày 25 của tháng thứ 3 của kỳ thu nợ; Trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng. Vì vậy căn cứ Điều 401, Điều 402, Điều 404, Điều 405, Điều 408, Điều 412, Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 91 của Luật tổ các tổ chức tín dụng năm 2010 được xem xét trong vụ án hợp pháp và có hiệu lực thực hiện.

2.2.2 Đối với Hợp đồng hạn mức tín dụng 218/2018/HĐHM/PVB-NĐ ngày 23-5-2018, hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 01/2018/HĐHMTD/PVB-NĐ ngày 24-5-2018, thể hiện: Hạn mức cấp tín dụng là 10.000.000.000 đồng. Ngày 24-5-2018 PVBank đã thực hiện giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay; thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 24-5-2018 đến ngày 24-11-2018; Áp dụng lãi suất 9,5%/năm từ ngày 24-5-2018 đến hết ngày 31-8-2018. Từ ngày 01-9-2018 lãi suất áp dụng là LSCS + 3% (Trong đó LSCS là lãi suất tiền gửi tiếp kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối lỳ cao nhất của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 12 tháng theo biểu lãi suất huy động của Bên cho vay công bố từng thời kỳ), kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ và lãi suất quá hạn: Theo quy định tại Hợp đồng Hạn mức Tín dụng; Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ ngày 24-11-2018 hoặc trước hạn khi có nguồn thu về tài khoản của Bên vay, Kỳ hạn trả nợ lãi vào ngày 26 hàng tháng. Căn cứ vào Điều 402 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Điều 91 của Luật tổ các tổ chức tín dụng năm 2010 là hợp pháp và có giá trị thực hiện.

2.2.3 Đối với Hợp đồng hạn mức tín dụng 218/2018/HĐHM/PVB-NĐ ngày 23-5-2018, hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số LD 1824204943 ngày 30-8-2018, thể hiện: Số tiền vay 3.798.872.770 đồng, Ngày 30-8-2018 PVBank đã thực hiện giải ngân số tiền 3.798.872.770 đồng cho Công ty PT; Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 30-8-2018 đến ngày 28-02-2019; Lãi suất: Áp dụng lãi suất 9,5% kể từ ngày 30-8-2018 đến hết ngày 30-11-2018. Từ ngày 01-12-2018 lãi suất áp dụng là LSCS + 3.0% (Trong đó LSCS là lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ cao nhất của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 12 tháng theo biểu lãi suất huy động của Bên cho vay công bố từng thời kỳ). Kỳ chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ và lãi suất quá hạn: Theo quy định của Hợp đồng hạn mức tín dụng số 218/2018/HĐHM/PVB-NĐ ngày 23-5-2018; Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ ngày 28-02-2019 hoặc trước hạn khi có nguồn thu về tài khoản của Bên vay. Kỳ hạn trả nợ lãi: Vào ngày 26 hàng tháng. Căn cứ vào Điều 402 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Điều 91 của Luật tổ các

tổ chức tín dụng năm 2010 là hợp pháp và có giá trị thực hiện.

Như vậy, Nội dung của các hợp đồng hạn mức tín dụng và các hợp đồng hạn mức kiêm khế ước nhận nợ được lập thành văn bản, nội dung của hợp đồng đã thể hiện rõ và đầy đủ các điều khoản cơ bản theo quy định của pháp luật, không có điều khoản vi phạm điều cấm của pháp luật, cụ thể như: thể hiện rõ bên cho vay, bên vay, số tiền vay, lãi suất, mục đích vay và thời hạn trả nợ đảm bảo đúng quy định.

[3] Về tranh chấp các hợp đồng tín dụng giữa PVBank và Công ty PT:

3.1 Đối với Hợp đồng tín dụng số 002/2014/HĐTD-TH ngày 01-10-2014 và Khế ước nhận nợ số 01/002/2014/HĐTD-TH ngày 20-10-2014. Ngày 20-10-2014 PVBank đã thực hiện giải ngân số tiền 4.790.000.000 đồng cho Công ty PT. Đến ngày 25-12-2017 Công ty PT đã trả: số tiền nợ gốc là 3.883.164.844 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 383.343.036 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 1.914.718 đồng. Từ ngày 25-12-2017 đến ngày 27-4-2022 thì Công ty PT còn nợ PVBank: số tiền nợ gốc là 906.835.156 đồng, nợ lãi trong hạn là 73.917.351 đồng, nợ lãi quá hạn là 478.819.922 đồng.

3.2 Đối với Hợp đồng hạn mức tín dụng 218/2018/HĐHM/PVB-NĐ ngày 23-5-2018, hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 01/2018/HĐHMTD/PVB-NĐ ngày 24-5-2018. Ngày 24-5-2018 PVBank đã thực hiện giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng cho Công ty PT. Đến ngày 26-7-2018 Công ty PT đã trả nợ gốc là 5.226.982 đồng, nợ lãi là 170.410.959 đồng, lãi phạt đã trả 66.654 đồng, chưa trả lãi quá hạn. Từ ngày 26-7-2018 đến ngày 27-4-2022 thì Công ty PT còn nợ PVBank: Số tiền nợ gốc là 3. 994.773.018 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.630.134 đồng, nợ lãi quá hạn 2.217.227.112 đồng, lãi phạt chậm trả trên lãi 11.916.160 đồng.

3.3 Đối với Hợp đồng hạn mức tín dụng 218/2018/HĐHM/PVB-NĐ ngày 23-5-2018, hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số LD 1824204943 ngày 30-8-2018. Ngày 30-8-2018 PVBank đã giải ngân số tiền 3.798.872.770 đồng cho Công ty PT. Đến ngày 26-10-2018 Công ty PT đã trả nợ lãi trong hạn là 56.358.691 đồng và lãi phạt là 40.633 đồng. Từ ngày 26-10-2018 đến ngày 27-4-2022 Công ty PT còn nợ PVBank: Số tiền nợ gốc là 3.798.872.770 đồng, nợ lãi trong hạn là 137.487.901 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.946.426.979 đồng, lãi phạt chậm trả trên lãi là 43.952.348 đồng.

Như vậy theo các điều khoản của Hợp đồng tín dụng thì Công ty PT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ vào các Điều 401, Điều 402, Điều 404, Điều 405, Điều 408, Điều 412, Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 119, 401, 402, 403, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của PVBank là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về biện pháp bảo đảm tiền vay: Để đảm bảo cho các khoản vay Công ty PT đã thế chấp các tài sản:

4.1 Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 01-10-2014. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 372/2015/HĐBĐ-MMTB2-PVB-CNNĐ ngày 10-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số PL 01-372/2015/HĐBĐ-MMTB2-PVB-CNNĐ ngày 07-3-2017 và Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số PL 02-372/2015/HĐBĐ-MMTB2-PVB-CNNĐ ngày 23-5-2018. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số PL 01-002/2014/HĐTC-TH ngày 10-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số PL 02-002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 19-5-2016. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số PL 03-002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 07-3-2017. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số PL 04-002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 23-5-2018.

Ngày 02-10-2014 và ngày 10-12-2015 giữa Công ty PT và PVBank có đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảm đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên và đã được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án đối với toàn bộ tài sản thế chấp gồm: 10 máy dệt, Model GS50/500/1200/PP/T seri 2013 VN; 05 nồi nhuộm, Model FY 066-180, FY 074-180, FY 082-180, FY 056-180, FY 076-180 seri 2013 VN; 01 máy cuộn dây Model Y088 seri 2013 VN; 05 máng giặt, Model E058; E78; E134; E156; E169 seri 2013 VN; 01 nồi nhuộm Model: DP-NSP Seri: TC431VN; 01 nồi hơi Model: FR 158-180 Seri: 2015 VN; 01 Máy cuốn cây Model: PR 172 Seri: 2015 VN; 01 Máng giặt Model: BT-PPT Seri: 324P VN

4.2 Hợp đồng thế chấp số 002BĐS/2014/TĐTC-TH ngày 01-10-2014 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 381/QTĐ/2015/HĐBĐ-PVB CNNĐ ngày 10-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp số PL01-002BĐS/2014/HĐTC-TH ngày 10-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số PL02-002BĐS/2014/HĐTC-TH ngày 07-3-2017. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp số PL03-002BĐS/2014/HĐTC-TH ngày 23-5-2018.

Tài sản bảo đảm là: Quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Khu du lịch Quất Lâm, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 766468, số vào sổ cấp GCN: CH-01613/1816/QĐ-UBND do UBND huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp ngày 11-6-2014 cho ông Trần Văn M.

Đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 02-10-2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

4.3 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 373/2015/HĐBĐ-BĐS2/PVB-CNNĐ ngày 10-12-2015. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 374/2015/HĐBĐ-BĐS2QTS-PVB-CNNĐ ngày 09-12-2015. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền đối với tài sản gắn liền với đất số PL01-374/2015/HĐBĐ-BĐS2QTS-PVB-TH ngày 07-3-2017. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền đối với tài sản gắn liền với đất số PL02-374/2015/HĐBĐ-BĐS2QTS-PVB-CNNĐ ngày 23-5-2018. Phụ lục sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số PL02-373/2015/HĐBĐ-BĐS2/PVB-CNNĐ ngày 23-5-2018.

Tài sản bảo đảm là:

Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: Số nhà 7/56, tổ dân phố số 58 đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 610159, số vào sổ cấp GCN: 13-67801158 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-8-2014 cho ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị P.

Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: số 9/56, tổ 58, đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 610158, số vào sổ cấp GCN: 13-67800965 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29/8/2014 cho ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị P.

Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: số 11/56, tổ 58, đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 610060, số vào sổ cấp GCN: 13-67800644 do UBND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-8-2014 cho ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị P.

Đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 10-12-2015 tại Văn phòng đăng ký và thông tin nhà đất thành phố Nam Định

Xét thấy việc ký kết các hợp đồng thế chấp có lập thành văn bản và có chữ ký của các bên, có công chứng, nội dung phù hợp không vi phạm điều cấm của luật, hợp đồng có đăng ký giao dịch và thể hiện các tài sản bảo đảm. Như vậy hợp đồng thế chấp tài sản được anh Trần Văn M, chị Phạm Thị A, ông Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị P là chủ sở hữu các tài sản đã tự nguyện thế chấp tài sản của mình để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty PT là phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại các Điều 336, 338, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 317, 318, 319,

320, 321, 322, 323, 324 327 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11 của Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19-11-1999 của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo, Điều 4, Điều 9, Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ nên Hội đồng xét xử xét thấy có giá trị thực hiện.

Đối với tài sản thế chấp là 10 máy dệt theo Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 002ĐS/2014/HĐTC-TH ngày 01-10-201 mà Công ty PT đã thế chấp. Ngày 16-6-2021 PVBank có đơn đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan điều tra để làm rõ, xem xét trách nhiệm của bị đơn liên quan đến tài sản đảm bảo là 10 máy dệt đã bị mất. Tòa án nhân dân thành phố Nam Định chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết. Ngày 07-02-2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định đã có công văn số 506/PC01 thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm đã ra Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm số 10/PC01 đối với kiến nghị khởi tố của Tòa án. Ngày 01-3-2022 PVBank có văn bản xin rút và không yêu cầu xem xét xử lý, giải quyết và tại phiên tòa đại diện của PVBank rút yêu cầu, không đề nghị giải quyết kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là 10 máy dệt. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

5.1 Yêu cầu của PVBank được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng đã nộp được hoàn trả.

5.2 Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả là 112.000.000 đồng + 0,1% x (13.636.858.851 đồng – 4.000.000.000 đồng) = 121.636.858 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi tám đồng).

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 34.500.000 đồng mà PVBank đã nộp. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là PVBank được chấp nhận. Vì vậy bị đơn là Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải chịu toàn bộ chi phí, và trả lại cho PVBank là 34.500.000 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 401, Điều 405, Điều 408, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các điều 117, 119, 401, 402, 403, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 điều 91, điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 5, Điều 8, Điều 10, Điều 11 của Nghị định 165/1999/NĐ-CP ngày 19-11-1999 của Chính Phủ về giao dịch đảm bảo;

Căn cứ Điều 4, Điều 9, Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL ngày 17-10-2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC.

Buộc Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC các khoản nợ tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27-4-2022), cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 002/2014/HĐTD-TH và Khế ước nhận nợ số 01/002/2014/HĐTD-TH ngày 20-10-2014: số tiền nợ gốc là 906.835.156 đồng, nợ lãi trong hạn là 73.917.351 đồng, nợ lãi quá hạn là 478.819.922 đồng.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng 218/2018/HĐHM/PVB-NĐ ngày 23-5-2018, hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 01/2018/HĐHMTD/PVB-NĐ ngày 23-5-2018: Số tiền nợ gốc là 3.994.773.018 đồng, nợ lãi trong hạn là 26.630.134 đồng, nợ lãi quá hạn 2.217.227.112 đồng, lãi phạt chậm trả trên lãi 11.916.160 đồng.

- Hợp đồng hạn mức tín dụng 218/2018/HĐHM/PVB-NĐ ngày 23-5-2018, hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số LD 1824204943 ngày 30-8-2018: Số tiền nợ gốc là 3.798.872.770 đồng, nợ lãi trong hạn là 137.487.901 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.946.426.979 đồng, lãi phạt chậm trả trên lãi là 43.952.348 đồng.

Tổng nợ gốc là 8.700.480.944 đồng, nợ lãi trong hạn là 238.035.386 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.642.474.013 đồng, nợ lãi phạt là 55.868.508 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là: 13.636.858.851 đồng (Mười ba tỉ sáu trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi tám nghìn tám trăm năm mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận của từng hợp đồng tín dụng đối với từng lần giải ngân giữa Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT và Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC.

Trong trường hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC có văn bản về việc điều chỉnh lãi suất và việc điều chỉnh lãi suất phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất thì lãi suất mà Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án được áp dụng theo sự điều chỉnh của Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC theo quyết định của bản án thì Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo, cụ thể như sau:

- 05 nồi nhuộm, Model FY 066-180, FY 074-180, FY 082-180, FY 056-180, FY 076-180, seri 2013 VN

- 01 máy cuộn dây Model Y088, seri 2013 VN

- 05 máng giặt, Model E058, E78, E134, E156, E169, seri 2013 VN.

- 01 nồi nhuộm Model: DP-NSP Seri: TC431VN

- 01 nồi hơi Model: FR 158-180 Seri: 2015 VN

- 01 Máy cuốn cây Model: PR 172 Seri: 2015 VN

- 01 Máng giặt Model: BT-PPT Seri: 324P VN

(Các máy móc trên hiện đang do Công ty cổ phần Dệt – NĐ quản lý).

- Quyền thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Khu du lịch Quất Lâm, thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 766468, số vào sổ cấp GCN: CH-01613/1816/QĐ-

UBND do Uỷ ban nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp ngày 11-6-2014 cho ông Trần Văn M.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất:

+ Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: Số nhà 7/56, tổ dân phố số 58 đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 610159, số vào sổ cấp GCN: 13-67801158 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-8-2014 cho ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị P.

+ Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: số 9/56, tổ 58, đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 610158, số vào sổ cấp GCN: 13-67800965 do Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29/8/2014 cho ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị P.

+ Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 2; địa chỉ: số 11/56, tổ 58, đường T, phường Ti, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 610060, số vào sổ cấp GCN: 13-67800644 do UBND thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định cấp ngày 29-8-2014 cho ông Phạm Đức Q và bà Nguyễn Thị P.

Tất cả các quyền lợi, lợi ích, các khoản bồi thường, đền bù, hoa lợi, lợi tức và các khoản thanh toán khác phát sinh từ tài sản đảm bảo (bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm, lợi ích từ các yêu cầu đòi bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm) đều thuộc tài sản đảm bảo được dùng để thu nợ.

3. Án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải nộp 121.636.858 đồng (Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm năm mươi tám đồng).

3.2 Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC số tiền tạm ứng án phí 59.700.000 đồng (Năm mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai số 0003391, ngày 01-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC số tiền là 34.500.000 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần ĐC có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu PT, bà Nguyễn Thị P, ông Phạm Đức Q, anh Trần Văn M, chị Phạm Thị A và Công ty cổ phần Dệt – NĐ có quyền kháng cáo Bản án trong hạn

15 ngày kể được tống đạt hợp lệ Bản án theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang